

Số: /QĐ-UBND Lạng Giang, ngày tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Xây dựng khu dân cư Mả Hạ,
xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 6)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 về việc Ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; số 19/2022/QĐ-UBND ngày 09/7/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của Giám đốc Sở Xây dựng: Số 338/QĐ-SXD ngày 15/12/2023 về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; số 363/QĐ-SXD ngày 28/12/2023 về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; số 1338/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về việc Công bố các bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Văn bản số 230/SXD-QLXD ngày 22/01/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng khu dân cư Mải Hạ, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 6);

Căn cứ Quyết định số 3086/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND huyện Lạng Giang về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư một số công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện tại Tờ trình số 58/TTr-HTDCĐT ngày 15/3/2024; Báo kết quả thẩm định của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại số 56/BCTĐ-XD ngày 21/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Xây dựng khu dân cư Mải Hạ, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 6), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Xây dựng khu dân cư Mải Hạ, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 6).

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Từng bước xây dựng, mở rộng và hình thành không gian kiến trúc cảnh quan khu vực, mang tính đặc trưng của địa phương và đóng góp vào không gian kiến trúc cảnh quan đô thị. Khai thác triệt để quỹ đất hiện có, đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng có nhu cầu về đất ở và nhà ở, góp phần tích cực vào chương trình phát triển nhà ở của huyện Lạng Giang nói riêng và tỉnh Bắc Giang nói chung. Huy động tối đa nguồn vốn, đặc biệt vốn nhân rỗi trong nhân dân, làm tăng giá trị khu đất, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng

4.2.1. Nội dung đầu tư: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Mải Hạ xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 6) trên khu đất có diện tích khoảng 5,94ha gồm các hạng mục: Bồi thường giải phóng mặt bằng, san nền, đường giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, ga rác và trạm xử lý nước thải...

4.2.2. Giải pháp thiết kế:

4.2.1. San nền:

- Đào bóc tầng đất mặt chiều dày trung bình 20cm của phần đất trồng lúa và tận dụng đắp lô cây xanh.

- San nền trên diện tích khoảng 3,73ha của dự án (không bao gồm diện tích đường giao thông); tận dụng toàn bộ đất dư thừa (đất hữu cơ không lẫn cỏ rác, đất cấp II, III) từ công tác đào nền của các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khác để đắp; cao độ san nền khớp nối phù hợp với mép vỉa hè đường giao thông, độ chặt san nền yêu cầu $K=0,85$.

4.2.2. Đường giao thông:

Mạng lưới giao thông trong khu vực dự án tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được duyệt gồm 09 tuyến đường; cường độ yêu cầu với tuyến đường nội bộ là $E_{yc}=120\text{Mpa}$ độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$, độ dốc ngang hè đường $i=1,5\%$.

Hệ thống giao thông dự án, như sau:

a) Bình đồ tuyến, trắc dọc:

Bình đồ, trắc dọc thiết kế tuyến cơ bản tuân thủ theo quy hoạch được phê duyệt đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường thiết kế và kết nối êm thuận với các tuyến đường trong khu vực, gồm các tuyến:

- Tuyến N-1 (từ nút N19-N14-N11): Chiều dài tuyến khoảng 194,75m, cao độ thiết kế tại nút N19 là +9.500, tại nút N14 là +9.280, tại nút N11 là +8.670.

- Tuyến N-2 (từ nút N13-N10): Chiều dài tuyến khoảng 128,82m, cao độ thiết kế tại nút N13 là +9.040, tại nút N10 là +8.420.

- Tuyến N-3 (từ nút N26-N25-N18A-N12-N09): Chiều dài khoảng 240,62m, cao độ thiết kế tại nút N26, N25 là +7.880 N18A, N18 là +8.500, tại nút N12 là +8.210, tại nút N09 là +7.670.

- Tuyến N-4 (từ nút N30A-N30-N26-N24-N17): Chiều dài khoảng 244,39m, cao độ thiết kế tại nút N30A là +7.200, tại nút N30 là +7.440, tại nút N26, N24 là +7.880, tại nút N17 là +8.200.

- Tuyến D-1 (từ nút N25-N24-N23): Chiều dài khoảng 69,20m, cao độ thiết kế tại nút N25, N24 là +7.880, tại nút N23 là +7.500.

- Tuyến D-1* (từ nút N21*-N20): Chiều dài khoảng 55,42m, cao độ thiết kế tại nút N21*, N20 là +7.000.

- Tuyến D-2 (từ nút N19-N18A): Chiều dài khoảng 273,27m, cao độ thiết kế tại nút N19 là +9.500, tại nút N18A là +8.500.

- Tuyến D-3 (từ nút N18-N17-N16): Chiều dài khoảng 109,50m, cao độ thiết kế tại nút N18 là +8.500, tại nút N17 là +8.200, tại nút N16 là +7.800.

- Tuyến D-4 (từ nút N14-N13-N12): Chiều dài khoảng 259,23m, cao độ thiết kế tại nút N14 là +9.280, tại nút N13 là +9.040, tại nút N12 là +8.210.

b) Trắc ngang:

- Mặt cắt (4-4) rộng 15,00m; trong đó lòng đường là 7,00m; hè đường 2 bên rộng 4,00m.

- Mặt cắt (4*-4*) rộng 17,00m; trong đó lòng đường là 7,00m; hè đường bên trái rộng 6,00m, hè đường bên phải rộng 4,00m.

- Mặt cắt (5-5) rộng 6,00m; trong đó lòng đường là 5,00m; hè đường bên phải rộng 1,00m.

c) Nền đường, kết cấu mặt đường:

- Nền đường: Nền đường chủ yếu là nền đắp; trước khi đắp tiến hành đào bỏ lớp đất không thích hợp (đất hữu cơ trên mặt ruộng); vật liệu đắp nền đường sử dụng đất cấp phối đồi. Trong phạm vi 30-50cm dưới đáy kết cấu áo đường lu lèn chặt đạt $K \geq 0,98$, phía dưới nền lòng đường đảm bảo độ chặt đạt $K \geq 0,95$, phạm vi nền vỉa hè đầm chặt $K \geq 0,90$.

- Kết cấu mặt đường:

+ Các tuyến đường nội bộ: Dùng kết cấu áo đường mềm $E_{yc} \geq 120$ Mpa, bao gồm các lớp: BTNC 19 dày 6cm; tưới nhựa thấm bảm, tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; cấp phối đá dăm loại II dày 20cm; đất đắp cấp 3, đầm chặt $K \geq 0,98$ dày 50cm.

d) Hè đường, cây xanh, rãnh biên, bó vỉa:

- Vỉa hè: Đắp đất nền đầm chặt $K \geq 0,90$;

- Bó vỉa hè đường: Sử dụng viên vỉa vát bê tông đúc sẵn M250 kích thước 23x26cm; móng bó vỉa BTXM M100 dày 10cm.

- Rãnh biên: Rãnh biên rộng 30cm đổ bê tông tại chỗ M250, hướng dốc tự thủy về các hố thu nước mưa.

e) An toàn giao thông: Thiết kế tổ chức giao thông theo hình thức tự điều khiển bằng hệ thống các vạch sơn, biển báo tại tất cả các tuyến đường và các nút giao thông của dự án tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

4.2.3. Cấp nước và PCCC

- Nguồn nước sạch cấp cho dự án được đầu nối từ hệ thống cấp nước sạch lấy từ nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang. Điểm đầu cấp nước cho dự án đặt chờ từ đầu đường TL295 dẫn về dự án theo quy hoạch. Mạng lưới cấp nước tuân thủ theo quy hoạch chi tiết. Đường ống phân phối sử dụng ống HDPE D110, nước sinh hoạt được cấp cho các hộ tiêu thụ qua tuyến ống dịch vụ là ống HDPE D63.

- Cấp nước chữa cháy: Trụ cấp nước chữa cháy được đầu nối vào mạng lưới cấp nước phân phối HDPE D110. Các trụ cứu hỏa được bố trí trên phần hè của các tuyến đường, khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa không lớn hơn 150m theo QCVN 06:2022.

4.2.4. Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước của khu vực dự án xây dựng là hệ thống thoát nước riêng, mạng lưới thu gom vận chuyển nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa, hoạt động theo chế độ tự chảy. Hướng thoát nước chính của dự án tuân thủ theo hướng thoát quy hoạch từ Bắc xuống Nam.

- Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các hố thu BTCT, nước mưa từ hố thu chảy qua cống BTCT D400 vào các hố ga thu nước mưa. Đường kính cống thoát nước được thiết kế căn cứ vào diện tích khu vực của dự án và các khu vực lân cận, cống được dùng là cống bê tông cốt thép có đường kính từ D400 đến D1000. Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu $i=1/D$. Hệ thống hố ga thăm nước mưa và hố thu nước mặt đường được bố trí cách nhau khoảng 30m.

- Kết cấu hồ ga xây gạch xây gạch không nung M100, móng ga là lớp BTXM dày 15cm, dưới đệm đá dăm dày 10cm; tấm đan đáy ga bằng tấm đan BTCT M200.

- Công thoát nước mưa có tải trọng H = 10 tấn (tải trọng A) đối với công đi phía dưới vỉa hè, H=30 tấn (tải trọng C) đối với công đi dưới đường.

- Mương hoàn trả B800: Hoàn trả mương B800 phía Bắc của dự án (chạy theo hướng của mương hiện trạng); kết cấu mương B800 xây gạch không nung, đáy mương bằng bê tông xi măng, nắp đáy tấm đan BTCT.

4.2.5. Thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại bên trong các công trình hoặc ô đất xây dựng các công trình tập trung vào hệ thống rãnh B400 sau nhà, và thoát vào hệ thống cống D300 trên vỉa hè các tuyến đường chính trong khu vực rồi chảy ra hệ thống cống nước thải hiện trạng (đầu nổi theo quy hoạch).

- Cao độ cống được thiết kế dựa vào cao độ hoàn thiện mặt đường (đối với cống ngang đường) và cao độ hoàn thiện vỉa hè (đối với cống vỉa hè).

- Tuyến cống vận chuyển nước thải D300, dọc theo các tuyến cống thoát nước thải bố trí các giếng thăm tại điểm xả các công trình, tại vị trí thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng cống để nạo vét bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa cống. Hệ thống giếng thăm được bố trí cách nhau khoảng 30m.

- Kết cấu hồ ga xây gạch không nung, móng ga bê tông xi măng trên lớp dưới đệm đá dăm; nắp ga đáy tấm đan BTCT.

- Kết cấu rãnh B400 xây gạch không nung, móng ga bê tông xi măng trên lớp dưới đệm đá dăm; nắp ga đáy tấm đan BTCT.

- Trạm xử lý nước thải công suất 350m³/ngày đêm: Công nghệ xử lý nước thải bằng công nghệ AO + MBBR. Dây chuyền công nghệ hệ thống xử lý nước thải gồm: Bể thu gom + tách mỡ, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng sinh học, bể khử trùng; nước thải sau khi xử lý đạt đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT.

4.2.6. Hệ thống điện:

a) Đường dây trung thế 35kV

- Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ đường dây 35kV lộ 376/E7.1 (đường dây 35kV);

- Xây dựng mới phần đường dây trung thế 35kV cấp điện cho TBA KDC: Vị trí đầu dự kiến tại cột 3C-376/E7.1 và Cột 9-376/E7.1 (cột hiện trạng), từ cột này sẽ được đi ngầm về đến của dự án;

- Kết cấu chính đường dây: Dây dẫn đầu lèo dùng dây cáp bọc AC/XLPE/HDPE-40,5kV-1x95mm²; dây từ cột điểm đầu về đến dự án dùng dây cáp ngầm bọc cách điện loại có ký hiệu Cu/XLPE/DSTA/PVC-W-40,5kV-3x95mm², cáp ngầm được đi trong ống HDPE-D160/125 và được chôn sâu đúng quy định.

b) Trạm biến áp:

Xây dựng mới 02 trạm biến áp cấp điện cho khu dân cư Mả Hạ (Giai đoạn 6) công suất TBA 01: 2x400kVA-35/(22)/0,4kV và TBA 02: 1x250kVA-35/(22)/0,4kV.

c) Đường dây hạ thế 0,4kV:

- Đường dây hạ thế 0,4kV đi ngầm để cấp điện cho dự án: Hệ thống lưới hạ thế sử dụng cấp điện áp 380/220kV ba pha bốn dây trung tính nối đất trực tiếp. Lưới hạ thế khu vực sử dụng cáp ngầm có giáp thép, tiết diện DSTA-XLPE 3x150+1x120mm², DSTA-XLPE-3x120+1x95mm², DSTA-XLPE 3x95+1x70mm², DSTA-XLPE-3x70+1x50mm², DSTA-XLPE-3x50+35mm² đi trong rãnh cáp; cáp được luồn trong các ống nhựa xoắn HDPE; chiều sâu chôn cáp tối thiểu 0,7m với đoạn cáp trên hè và 1m với đoạn cáp qua đường. Tủ công tơ sử dụng loại tủ Composite.

- Đường dây xây dựng hoàn trả: Tháo dỡ, dịch chuyển một phần tuyến đường dây 0,4kV đi nổi cắt qua dự án.

d) Điện chiếu sáng:

Chiếu sáng đường phố sử dụng cột thép bát giác mạ kẽm nhúng nóng cao 9,0m cho các tuyến có mặt cắt đường 7m, 8m; đèn chiếu sáng sử dụng bộ đèn Led chiếu sáng đường phố có công suất 120W được bố trí dọc theo vỉa hè của đường với khoảng cách trung bình giữa các đèn từ 30m-40m. Cáp điện cấp cho đèn chiếu sáng dùng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC luồn trong ống xoắn HDPE chôn ngầm trong đất.

4.2.7. Hệ thống hào kỹ thuật thông tin liên lạc

Xây dựng hệ thống đường ống thông tin gồm đường ống, bể cáp và ganivo đầu cáp chờ sẵn để luồn cáp thông tin, viễn thông đến các hộ dân. Kết cấu bể cáp xây gạch bê tông không nung, trên đây tấm nắp BTCT, ganivo bao gồm 2 loại xây gạch và bê tông cốt thép đúc sẵn, nắp đây tấm composite. Sử dụng ống nhựa 02 ống U.PVC D110 cho tuyến cống cáp chính và 02 ống D61 cho tuyến nhánh và tuyến cáp thuê bao. Mạng cống bể cáp thông tin liên lạc các đường trục chính được thiết kế bố trí đi ngầm trên vỉa hè đường.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập dự án:

- Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Tư vấn thiết kế kiến trúc Đông Bắc.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

6.1. Địa điểm xây dựng: Tại xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

6.2. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 5,94ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình; thời gian sử dụng của công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, dự án nhóm C, cấp III, thời gian sử dụng của công trình 50 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy hoạch xây dựng.
- QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện.
- QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- QCVN 07: 2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.
- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.
- Sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.
- TCXDVN 104:2007 Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị.
- TCVN 4054:2005 Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô.
- TCCS 38: 2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.
- TCVN 7957: 2023 Thoát nước mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình- Yêu cầu thiết kế.
- 11TCN 19-21: 2006 Quy phạm trang thiết bị điện Việt Nam.
- TCXDVN 259: 2001 Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị.
- TCXDVN 333: 2005 Thiết kế chiếu sáng nhân tạo bên ngoài công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị- Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCXDVN 7997:2009 Cấp điện lực đi ngầm trong đất - Phương pháp lắp đặt.
- TCVN 8699: 2011 Mạng viễn thông - Ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm - Yêu cầu kỹ thuật.
- TCVN 2737:2023 Tiêu chuẩn thiết kế - Tải trọng và tác động.
- TCVN 5760: 1993 Hệ thống chữa cháy - Yêu cầu chung về thiết kế.
- TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5574: 2018 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan khác.

9. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 59.500.000.000đ (Năm mươi chín tỷ, năm trăm triệu đồng), trong đó:

-Chi phí bồi thường GPMB:	16.400.000.000 đ
-Chi phí xây dựng:	33.353.368.000 đ
-Chi phí thiết bị:	4.317.470.000 đ
-Chi phí QLDA:	879.991.000 đ
-Chi phí tư vấn đầu tư:	2.438.997.000 đ
-Chi phí khác:	2.034.749.000 đ
-Chi phí dự phòng:	75.425.000 đ

10. Thời gian thực hiện dự án, phân kỳ đầu tư: Năm 2023 - 2025.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Giao Trung tâm phát triển Quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông, xây dựng, môi trường huyện phối hợp với UBND xã Tân Thanh tổ chức thực hiện công tác bồi thường, GPMB để thực hiện dự án theo kế hoạch.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên - Môi trường, Kho Bạc Nhà nước, Kinh tế và Hạ tầng, Trung tâm phát triển Quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông, xây dựng, môi trường, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Chủ tịch UBND xã Tân Thanh và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, TH;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Thân Hải Nam